

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**6 THÁNG ĐẦU CỦA NĂM TÀI CHÍNH
KẾT THÚC NGÀY 31 THÁNG 12 NĂM 2025**

**CÔNG TY CỔ PHẦN
DƯỢC PHẨM CỬU LONG**

MỤC LỤC

	Trang
1. Mục lục	1
2. Báo cáo của Ban Tổng Giám đốc	2 - 3
3. Báo cáo soát xét thông tin tài chính giữa niên độ	4
4. Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025	5 - 8
5. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	9
6. Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	10 - 11
7. Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025	12 - 37



BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC

Ban Tổng Giám đốc Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) trình bày báo cáo của mình cùng với Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025.

Khái quát về Công ty

Công ty là doanh nghiệp được cổ phần hóa từ Doanh nghiệp nhà nước – Công ty Dược và Vật tư y tế Cửu Long, theo quyết định số 2314/QĐ-UB ngày 09 tháng 8 năm 2004 của Chủ tịch UBND tỉnh Vĩnh Long.

Công ty hoạt động theo Giấy chứng nhận Đăng ký doanh nghiệp số 1500202535 đăng ký lần đầu ngày 09 tháng 11 năm 2004 do Sở kế hoạch và đầu tư tỉnh Vĩnh Long cấp và thay đổi lần thứ 27 ngày 05 tháng 5 năm 2025 do thay đổi người đại diện theo pháp luật.

Cổ phiếu của Công ty được niêm yết tại Sở Giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh với mã chứng khoán DCL.

Trụ sở chính

- Địa chỉ : Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long
- Điện thoại : 0270.382.2533
- Fax : 0270.382.2129

Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu; Bán lẻ thuốc, dụng cụ y tế, mỹ phẩm.

Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát và Ban Tổng Giám đốc

Các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng của Công ty trong kỳ và cho đến thời điểm lập báo cáo này bao gồm:

Hội đồng quản trị

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm /tái bổ nhiệm
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Bùi Hồng Hạnh	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024
Ông Phạm Văn Ngọc	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2024

Ban Kiểm soát

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/tái bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Ngô Thu Trang	Trưởng ban	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Trưởng ban	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025
Bà Lê Thị Thương	Thành viên	Bổ nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025
Bà Phạm Thị Huê	Thành viên	Tái bổ nhiệm ngày 14 tháng 6 năm 2022
Bà Phan Thị Hòa	Thành viên	Miễn nhiệm ngày 25 tháng 4 năm 2025

Ban Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng

Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm/miễn nhiệm
Bà Nguyễn Thị Thu Hương	Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2025
Ông Nguyễn Văn Bản	Tổng Giám đốc	Miễn nhiệm ngày 01 tháng 5 năm 2025
Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc	Bổ nhiệm ngày 01 tháng 12 năm 2020
Bà Nguyễn Lâm Minh Thương	Giám đốc tài chính	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2024
Bà Bùi Thị Mỹ Đăng	Kế toán trưởng	Bổ nhiệm ngày 29 tháng 11 năm 2024

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

BÁO CÁO CỦA BAN TỔNG GIÁM ĐỐC (tiếp theo)

Đại diện theo pháp luật

Người đại diện theo pháp luật của Công ty trong năm và cho đến thời điểm lập báo cáo này là Ông Nguyễn Văn Sang – Chủ tịch Hội đồng quản trị, Bà Nguyễn Thị Thu Hương - Tổng Giám đốc (từ ngày 05 tháng 5 năm 2025) và Ông Nguyễn Văn Bản - Tổng Giám đốc (đến ngày 04 tháng 5 năm 2025).

Kiểm toán viên

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C đã được chỉ định soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 của Công ty.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc Công ty chịu trách nhiệm lập Báo cáo tài chính giữa niên độ phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong kỳ. Trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ này, Ban Tổng Giám đốc phải:

- Chọn lựa các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách này một cách nhất quán;
- Thực hiện các xét đoán và các ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ các chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không và tất cả các sai lệch trọng yếu đã được trình bày và giải thích trong Báo cáo tài chính giữa niên độ;
- Lập Báo cáo tài chính giữa niên độ trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể cho rằng sẽ tiếp tục hoạt động liên tục;
- Thiết lập và thực hiện hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu nhằm hạn chế rủi ro có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo các sổ kế toán thích hợp được lưu giữ đầy đủ để phản ánh tình hình tài chính của Công ty với mức độ chính xác hợp lý tại bất kỳ thời điểm nào và các sổ sách kế toán tuân thủ chế độ kế toán áp dụng. Ban Tổng Giám đốc cũng chịu trách nhiệm bảo vệ an toàn tài sản của Công ty và do đó đã thực hiện các biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và các vi phạm khác.

Ban Tổng Giám đốc cam kết đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên trong việc lập Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Phê duyệt Báo cáo tài chính

Ban Tổng Giám đốc Công ty phê duyệt Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm. Báo cáo tài chính giữa niên độ đã phản ánh trung thực và hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại thời điểm ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Thay mặt Ban Tổng Giám đốc,

Tổng Giám đốc



Nguyễn Thị Thu Hương

Ngày 25 tháng 8 năm 2025

BÁO CÁO SOÁT XÉT THÔNG TIN TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

**Kính gửi: CÁC CỔ ĐÔNG, HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ VÀ BAN TỔNG GIÁM ĐỐC
CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG**

Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét Báo cáo tài chính giữa niên độ kèm theo của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”), được lập ngày 25 tháng 8 năm 2025, từ trang 05 đến trang 37, bao gồm Bảng cân đối kế toán giữa niên độ tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025 và Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Trách nhiệm của Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc chịu trách nhiệm về lập và trình bày trung thực và hợp lý Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty theo các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Ban Tổng Giám đốc xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra kết luận về Báo cáo tài chính giữa niên độ dựa trên kết quả soát xét của chúng tôi. Chúng tôi đã thực hiện công việc soát xét theo Chuẩn mực Việt Nam về hợp đồng dịch vụ soát xét số 2410 - Soát xét thông tin tài chính giữa niên độ do kiểm toán viên độc lập của đơn vị thực hiện.

Công việc soát xét thông tin tài chính giữa niên độ bao gồm việc thực hiện các cuộc phỏng vấn, chủ yếu là phỏng vấn những người chịu trách nhiệm về các vấn đề tài chính kế toán, và thực hiện thủ tục phân tích và các thủ tục soát xét khác. Một cuộc soát xét về cơ bản có phạm vi hẹp hơn một cuộc kiểm toán được thực hiện theo các chuẩn mực kiểm toán Việt Nam và do vậy không cho phép chúng tôi đạt được sự đảm bảo rằng chúng tôi sẽ nhận biết được tất cả các vấn đề trọng yếu có thể được phát hiện trong một cuộc kiểm toán. Theo đó, chúng tôi không đưa ra ý kiến kiểm toán.

Kết luận của Kiểm toán viên

Căn cứ trên kết quả soát xét của chúng tôi, chúng tôi không thấy có vấn đề gì khiến chúng tôi cho rằng Báo cáo tài chính giữa niên độ đính kèm không phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 30 tháng 6 năm 2025, cũng như kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ 6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025, phù hợp với các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Công ty TNHH Kiểm toán và Tư vấn A&C

Chi nhánh Hà Nội



Vũ Minh Khôi – Thành viên Ban Giám đốc

Số Giấy CNĐKHN kiểm toán: 2897-2025-008-1

Người được ủy quyền

Hà Nội, ngày 25 tháng 8 năm 2025

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

Tại ngày 30 tháng 6 năm 2025

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
A - TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		1.120.927.317.895	1.003.694.854.689
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	V.1	5.484.611.088	20.055.639.453
1. Tiền	111		5.484.611.088	20.055.639.453
2. Các khoản tương đương tiền	112		-	-
II. Đầu tư tài chính ngắn hạn	120		134.000.000.000	109.000.000.000
1. Chứng khoán kinh doanh	121		-	-
2. Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh	122		-	-
3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123	V.2a	134.000.000.000	109.000.000.000
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		541.330.350.651	506.260.867.868
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	V.3	243.738.893.382	221.832.900.903
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	V.4	29.940.051.010	64.827.890.218
3. Phải thu nội bộ ngắn hạn	133		-	-
4. Phải thu theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	134		-	-
5. Phải thu về cho vay ngắn hạn	135		-	-
6. Phải thu ngắn hạn khác	136	V.5a	289.945.458.789	241.055.071.478
7. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	V.6	(22.294.052.530)	(21.454.994.731)
8. Tài sản thiếu chờ xử lý	139		-	-
IV. Hàng tồn kho	140	V.7	405.663.743.326	337.925.159.805
1. Hàng tồn kho	141		417.506.755.196	348.317.479.444
2. Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	149		(11.843.011.870)	(10.392.319.639)
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		34.448.612.830	30.453.187.563
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	V.8a	2.836.141.273	3.211.068.612
2. Thuế giá trị gia tăng được khấu trừ	152		29.192.986.572	26.090.226.559
3. Thuế và các khoản khác phải thu Nhà nước	153	V.16	2.419.484.985	1.151.892.392
4. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	154		-	-
5. Tài sản ngắn hạn khác	155		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán (tiếp theo)

TÀI SẢN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
B - TÀI SẢN DÀI HẠN	200		1.193.259.904.471	1.184.415.507.581
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		3.918.300.000	3.727.000.000
1. Phải thu dài hạn của khách hàng	211		-	-
2. Trả trước cho người bán dài hạn	212		-	-
3. Vốn kinh doanh ở đơn vị trực thuộc	213		-	-
4. Phải thu nội bộ dài hạn	214		-	-
5. Phải thu về cho vay dài hạn	215		-	-
6. Phải thu dài hạn khác	216	V.5b	3.918.300.000	3.727.000.000
7. Dự phòng phải thu dài hạn khó đòi	219		-	-
II. Tài sản cố định	220		587.864.877.189	425.784.152.778
1. Tài sản cố định hữu hình	221	V.9	401.873.446.317	408.551.013.002
<i>Nguyên giá</i>	222		880.663.523.675	920.184.368.855
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	223		(478.790.077.358)	(511.633.355.853)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	V.10	182.502.019.048	13.513.539.364
<i>Nguyên giá</i>	225		188.308.100.558	22.876.854.258
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	226		(5.806.081.510)	(9.363.314.894)
3. Tài sản cố định vô hình	227	V.11	3.489.411.824	3.719.600.412
<i>Nguyên giá</i>	228		5.840.368.567	5.840.368.567
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	229		(2.350.956.743)	(2.120.768.155)
III. Bất động sản đầu tư	230		-	-
<i>Nguyên giá</i>	231		-	-
<i>Giá trị hao mòn lũy kế</i>	232		-	-
IV. Tài sản dở dang dài hạn	240	V.12	195.665.903.999	339.912.913.689
1. Chi phí sản xuất, kinh doanh dở dang dài hạn	241		-	-
2. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		195.665.903.999	339.912.913.689
V. Đầu tư tài chính dài hạn	250		389.743.918.982	400.730.000.000
1. Đầu tư vào công ty con	251	V.2b	401.737.810.725	401.737.810.725
2. Đầu tư vào công ty liên doanh, liên kết	252		-	-
3. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		-	-
4. Dự phòng đầu tư tài chính dài hạn	254	V.2b	(11.993.891.743)	(1.007.810.725)
5. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	255		-	-
VI. Tài sản dài hạn khác	260		16.066.904.301	14.261.441.114
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	V.8b	13.746.606.391	12.212.528.087
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262	V.13	2.320.297.910	2.048.913.027
3. Thiết bị, vật tư, phụ tùng thay thế dài hạn	263		-	-
4. Tài sản dài hạn khác	268		-	-
TỔNG CỘNG TÀI SẢN	270		2.314.187.222.366	2.188.110.362.270

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
C - NỢ PHẢI TRẢ	300		898.639.086.150	793.817.588.708
I. Nợ ngắn hạn	310		766.630.936.806	619.911.660.235
1. Phải trả người bán ngắn hạn	311	V.14	109.101.076.721	94.658.175.500
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312	V.15	2.640.626.236	4.396.514.103
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	V.16	7.683.472.625	10.240.975.243
4. Phải trả người lao động	314		9.944.683.551	15.354.735.361
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	V.17	11.010.940.637	9.654.016.224
6. Phải trả nội bộ ngắn hạn	316		-	-
7. Phải trả theo tiến độ kế hoạch hợp đồng xây dựng	317		-	-
8. Doanh thu chưa thực hiện ngắn hạn	318		-	-
9. Phải trả ngắn hạn khác	319	V.18	1.304.169.359	2.304.470.829
10. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	V.19a	622.197.517.821	479.873.723.014
11. Dự phòng phải trả ngắn hạn	321		-	-
12. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	V.20	2.748.449.856	3.429.049.961
13. Quỹ bình ổn giá	323		-	-
14. Giao dịch mua bán lại trái phiếu Chính phủ	324		-	-
II. Nợ dài hạn	330		132.008.149.344	173.905.928.473
1. Phải trả người bán dài hạn	331		-	-
2. Người mua trả tiền trước dài hạn	332		-	-
3. Chi phí phải trả dài hạn	333		-	-
4. Phải trả nội bộ về vốn kinh doanh	334		-	-
5. Phải trả nội bộ dài hạn	335		-	-
6. Doanh thu chưa thực hiện dài hạn	336		-	-
7. Phải trả dài hạn khác	337		-	-
8. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	V.19b	132.008.149.344	173.905.928.473
9. Trái phiếu chuyển đổi	339		-	-
10. Cổ phiếu ưu đãi	340		-	-
11. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả	341		-	-
12. Dự phòng phải trả dài hạn	342		-	-
13. Quỹ phát triển khoa học và công nghệ	343		-	-

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bảng cân đối kế toán giữa niên độ (tiếp theo)

NGUỒN VỐN	Mã số	Thuyết minh	Số cuối kỳ	Số đầu năm
D - NGUỒN VỐN CHỦ SỞ HỮU	400	V.21	1.415.548.136.216	1.394.292.773.562
I. Vốn chủ sở hữu	410		1.415.548.136.216	1.394.292.773.562
1. Vốn góp của chủ sở hữu	411		730.410.300.000	730.410.300.000
- Cổ phiếu phổ thông có quyền biểu quyết	411a		730.410.300.000	730.410.300.000
- Cổ phiếu ưu đãi	411b		-	-
2. Thặng dư vốn cổ phần	412		220.358.863.743	220.358.863.743
3. Quyền chọn chuyển đổi trái phiếu	413		-	-
4. Vốn khác của chủ sở hữu	414		-	-
5. Cổ phiếu quỹ	415		-	-
6. Chênh lệch đánh giá lại tài sản	416		-	-
7. Chênh lệch tỷ giá hối đoái	417		-	-
8. Quỹ đầu tư phát triển	418		-	-
9. Quỹ hỗ trợ sắp xếp doanh nghiệp	419		-	-
10. Quỹ khác thuộc vốn chủ sở hữu	420		-	-
11. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		464.758.805.623	443.503.442.969
- LNST chưa phân phối lũy kế đến cuối kỳ trước	421a		441.503.442.969	443.503.442.969
- LNST chưa phân phối kỳ này	421b		23.255.362.654	-
12. Nguồn vốn đầu tư xây dựng cơ bản	422		20.166.850	20.166.850
II. Nguồn kinh phí và quỹ khác	430		-	-
1. Nguồn kinh phí	431		-	-
2. Nguồn kinh phí đã hình thành tài sản cố định	432		-	-
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN	440		2.314.187.222.366	2.188.110.362.270

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 25 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc





Bùi Thị Mỹ Đăng

Bùi Thị Mỹ Đăng

Nguyễn Thị Thu Hường

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	VL.1	695.510.127.208	552.736.398.433
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02	VL.2	12.851.680.842	5.340.521.814
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		682.658.446.366	547.395.876.619
4. Giá vốn hàng bán	11	VL.3	580.138.000.466	467.022.213.061
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		102.520.445.900	80.373.663.558
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	VL.4	10.450.983.914	11.109.171.978
7. Chi phí tài chính	22	VL.5	30.720.269.023	13.493.971.708
Trong đó: chi phí lãi vay	23		19.512.348.315	13.407.224.048
8. Chi phí bán hàng	25	VL.6	28.104.967.223	26.191.998.455
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	VL.7	20.748.027.269	18.187.011.462
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		33.398.166.299	33.609.853.911
11. Thu nhập khác	31		596.122.126	140.672.115
12. Chi phí khác	32	VL.8	3.913.296.335	275.424.613
13. Lợi nhuận khác	40		(3.317.174.209)	(134.752.498)
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		30.080.992.090	33.475.101.413
15. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành	51	V.16	7.097.014.319	6.288.762.681
16. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại	52		(271.384.883)	498.478.691
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		<u>23.255.362.654</u>	<u>26.687.860.041</u>
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	VL.9	-	-
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	VL.9	-	-

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 25 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc

Bùi Thị Mỹ Đăng

Bùi Thị Mỹ Đăng

Nguyễn Thị Thu Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ GIỮA NIÊN ĐỘ

(Dạng đầy đủ)

(Theo phương pháp gián tiếp)

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này Năm nay	Năm trước
I. Lưu chuyển tiền từ hoạt động kinh doanh				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		30.080.992.090	33.475.101.413
2. Điều chỉnh cho các khoản:				
- Khấu hao tài sản cố định và bất động sản đầu tư	02	V.9-11	21.532.710.129	18.193.197.201
- Các khoản dự phòng	03		13.275.831.048	2.166.476.738
- Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	VI.4	109.128.890	(17.451.423)
- Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(2.846.142.956)	(3.082.971.875)
- Chi phí lãi vay	06	VI.5	19.512.348.315	13.407.224.048
- Các khoản điều chỉnh khác	07		-	-
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước thay đổi vốn lưu động	08		81.664.867.516	64.141.576.102
- Tăng, giảm các khoản phải thu	09		(77.859.858.895)	5.947.714.708
- Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(69.189.275.752)	(44.253.802.478)
- Tăng, giảm các khoản phải trả	11		7.567.770.877	39.179.123.328
- Tăng, giảm chi phí trả trước	12		(1.159.150.965)	(238.603.495)
- Tăng, giảm chứng khoán kinh doanh	13		-	-
- Tiền lãi vay đã trả	14		(19.457.779.937)	(13.454.185.378)
- Thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15	V.16	(10.131.979.512)	(12.885.786.899)
- Tiền thu khác từ hoạt động kinh doanh	16		-	-
- Tiền chi khác cho hoạt động kinh doanh	17	V.20	(2.680.600.105)	(2.430.597.066)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		(91.246.006.773)	36.005.438.822
II. Lưu chuyển tiền từ hoạt động đầu tư				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	21		(11.228.694.128)	(52.427.872.525)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định và các tài sản dài hạn khác	22		10.062.228.913	-
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của đơn vị khác	23		(81.345.945.205)	(56.345.945.205)
4. Tiền thu hồi cho vay, bán lại các công cụ nợ của đơn vị khác	24		56.345.945.205	56.345.945.205
5. Tiền chi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	25		-	-
6. Tiền thu hồi đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	26		-	-
7. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		2.410.276.778	4.269.187.185
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(23.756.188.437)	(48.158.685.340)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Báo cáo lưu chuyển tiền tệ giữa niên độ (tiếp theo)

CHỈ TIÊU	Mã số	Thuyết minh	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
			Năm nay	Năm trước
III. Lưu chuyển tiền từ hoạt động tài chính				
1. Tiền thu từ phát hành cổ phiếu, nhận vốn góp của chủ sở hữu	31		-	-
2. Tiền trả lại vốn góp cho các chủ sở hữu, mua lại cổ phiếu của doanh nghiệp đã phát hành	32		-	-
3. Tiền thu từ đi vay	33	V.19	634.966.114.242	475.210.372.337
4. Tiền trả nợ gốc vay	34	V.19	(520.708.649.437)	(457.488.061.701)
5. Tiền trả nợ gốc thuê tài chính	35	V.19	(13.831.449.127)	(11.217.055.195)
6. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36		-	-
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		100.426.015.678	6.505.255.441
Lưu chuyển tiền thuần trong kỳ	50		(14.576.179.532)	(5.647.991.077)
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60	V.1	20.055.639.453	12.785.326.350
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		5.151.167	34.943.215
Tiền và tương đương tiền cuối kỳ	70	V.1	5.484.611.088	7.172.278.488

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Lập, ngày 25 tháng 8 năm 2025

Tổng Giám đốc

Bùi Thị Mỹ Đăng

Bùi Thị Mỹ Đăng

Nguyễn Thị Thu Hương

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

BẢN THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

I. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG

1. **Hình thức sở hữu vốn**
Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long (sau đây gọi tắt là “Công ty”) là công ty cổ phần.
2. **Lĩnh vực kinh doanh**
Lĩnh vực kinh doanh của Công ty là sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu.
3. **Ngành nghề kinh doanh**
Hoạt động kinh doanh chính của Công ty là: Sản xuất thuốc, hóa chất và dược liệu.
4. **Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường**
Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty không quá 12 tháng.
5. **Cấu trúc Công ty**
Các Công ty con

Tên công ty	Địa chỉ trụ sở chính	Hoạt động kinh doanh chính	Tỷ lệ vốn góp	Tỷ lệ lợi ích	Tỷ lệ quyền biểu quyết
Công ty liên doanh Sản xuất kinh doanh XNK Dược phẩm và Trang thiết bị y tế	Số 11, đường Lanexang, bản Hatsady, quận Chanthabory, Lào	Giới thiệu thuốc	51%	51%	51%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn	Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long	Kinh doanh dược phẩm và dụng cụ y tế	100%	100%	100%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	Số 276 Nguyễn Đình Chiểu, phường Xuân Hòa, thành phố Hồ Chí Minh	Kinh doanh dược phẩm, capsule các loại	99,98%	99,98%	99,98%
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas ⁽ⁱ⁾	Số 68Đ Tổ 05 Ấp Thanh Mỹ 1, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long	Sản xuất kinh doanh dụng cụ, trang thiết bị y tế	84,2%	100%	100%
Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas ⁽ⁱⁱ⁾	Tầng 5, tòa nhà HACCI Complex tại lô 2.6, No đường Lê Văn Lương, phường Yên Hòa, thành phố Hà Nội	Sản xuất thuốc, hóa liệu và dược liệu	55%	84%	84%

- (i) Tỷ lệ vốn góp của Công ty, Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn và Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas vào Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas lần lượt là 84,2%, 15,6% và 0,2%; do đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas là 100%.
- (ii) Tỷ lệ vốn góp của Công ty và Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn vào Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas lần lượt là 55% và 29%; do đó, tỷ lệ lợi ích và tỷ lệ quyền biểu quyết của Công ty tại Công ty Cổ phần Thuốc ung thư Benovas là 84%.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Tuyên bố về khả năng so sánh thông tin trên Báo cáo tài chính

Các số liệu tương ứng của kỳ trước so sánh được với số liệu của kỳ này.

7. Nhân viên

Tại ngày kết thúc kỳ kế toán, Công ty có 686 nhân viên đang làm việc (số đầu năm là 812 nhân viên).

II. NĂM TÀI CHÍNH, ĐƠN VỊ TIỀN TỆ SỬ DỤNG TRONG KẾ TOÁN

1. Năm tài chính

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán là Đồng Việt Nam (VND) do phần lớn các nghiệp vụ được thực hiện bằng đơn vị tiền tệ VND.

III. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực Kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 và các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

2. Tuyên bố về việc tuân thủ chuẩn mực kế toán và chế độ kế toán

Ban Tổng Giám đốc đảm bảo đã tuân thủ yêu cầu của các chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ Kế toán doanh nghiệp Việt Nam được ban hành theo Thông tư số 200/2014/TT-BTC ngày 22 tháng 12 năm 2014, Thông tư 53/2016/TT-BTC ngày 21 tháng 3 năm 2016 cũng như các thông tư hướng dẫn thực hiện chuẩn mực kế toán của Bộ Tài chính trong việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ.

IV. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN ÁP DỤNG

1. Cơ sở lập Báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính được lập trên cơ sở kế toán dồn tích (trừ các thông tin liên quan đến các luồng tiền).

2. Tiền

Tiền bao gồm tiền mặt và tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn.

3. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn

Khoản đầu tư được phân loại là nắm giữ đến ngày đáo hạn khi Công ty có ý định và khả năng giữ đến ngày đáo hạn. Các khoản đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn của Công ty chỉ bao gồm các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn. Thu nhập lãi từ các khoản tiền gửi ngân hàng có kỳ hạn được ghi nhận trên Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trên cơ sở dự thu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

4. Các khoản đầu tư vào công ty con

Công ty con là doanh nghiệp chịu sự kiểm soát của Công ty. Việc kiểm soát đạt được khi Công ty có khả năng kiểm soát các chính sách tài chính và hoạt động của doanh nghiệp nhận đầu tư nhằm thu được lợi ích kinh tế từ các hoạt động của doanh nghiệp đó.

Ghi nhận ban đầu

Các khoản đầu tư vào công ty con được ghi nhận ban đầu theo giá gốc, bao gồm giá mua hoặc khoản góp vốn cộng các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư. Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá trị khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ trước khi khoản đầu tư được mua được hạch toán giảm giá trị của chính khoản đầu tư đó. Cổ tức và lợi nhuận của các kỳ sau khi khoản đầu tư được mua được ghi nhận doanh thu. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con

Dự phòng tổn thất cho các khoản đầu tư vào công ty con được trích lập khi công ty con bị lỗ với mức trích lập bằng chênh lệch giữa vốn góp thực tế của các bên tại công ty con và vốn chủ sở hữu thực có nhân với tỷ lệ góp vốn của Công ty so với tổng số vốn góp thực tế của các bên tại công ty con. Nếu công ty con là đối tượng lập Báo cáo tài chính hợp nhất thì căn cứ để xác định dự phòng tổn thất là Báo cáo tài chính hợp nhất.

Tăng, giảm số dự phòng tổn thất đầu tư vào công ty con cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí tài chính.

5. Các khoản phải thu

Các khoản nợ phải thu được trình bày theo giá trị ghi sổ trừ đi các khoản dự phòng phải thu khó đòi.

Việc phân loại các khoản phải thu là phải thu khách hàng và phải thu khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải thu của khách hàng phản ánh các khoản phải thu mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch có tính chất mua – bán giữa Công ty và người mua là đơn vị độc lập với Công ty.
- Phải thu khác phản ánh các khoản phải thu không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua – bán.

Dự phòng phải thu khó đòi được lập cho từng khoản nợ phải thu khó sau khi đã bù trừ với khoản nợ phải trả (nếu có). Mức trích lập căn cứ vào tuổi nợ quá hạn của các khoản nợ hoặc dự kiến mức tổn thất có thể xảy ra, mức trích lập căn cứ cụ thể như sau:

- Đối với nợ phải thu quá hạn thanh toán:
 - 30% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 6 tháng đến dưới 1 năm.
 - 50% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 1 năm đến dưới 2 năm.
 - 70% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 2 năm đến dưới 3 năm.
 - 100% giá trị đối với khoản nợ phải thu quá hạn từ 3 năm trở lên.
- Đối với nợ phải thu chưa quá hạn thanh toán nhưng khó có khả năng thu hồi: căn cứ vào dự kiến mức tổn thất để lập dự phòng.

Tăng, giảm số dự phòng nợ phải thu khó đòi cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào chi phí quản lý doanh nghiệp.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

6. Hàng tồn kho

Hàng tồn kho được ghi nhận theo giá thấp hơn giữa giá gốc và giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho được xác định như sau:

- Nguyên vật liệu, hàng hóa: bao gồm chi phí mua và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.
- Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang: bao gồm chi phí nguyên vật liệu chính, chi phí nhân công và các chi phí có liên quan trực tiếp khác.
- Thành phẩm: bao gồm chi phí nguyên vật liệu, nhân công trực tiếp và chi phí sản xuất chung có liên quan trực tiếp được phân bổ dựa trên mức độ hoạt động bình thường.

Giá xuất kho được tính theo phương pháp nhập trước, xuất trước và được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập cho từng mặt hàng tồn kho có giá gốc lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được. Tăng, giảm số dư dự phòng giảm giá hàng tồn kho cần phải trích lập tại ngày kết thúc kỳ kế toán được ghi nhận vào giá vốn hàng bán.

7. Chi phí trả trước

Chi phí trả trước bao gồm các chi phí thực tế đã phát sinh nhưng có liên quan đến kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của nhiều năm tài chính. Chi phí trả trước của Công ty chủ yếu là công cụ, dụng cụ, chi phí bảo hiểm, chi phí khác. Các chi phí trả trước này được phân bổ trong khoảng thời gian trả trước hoặc thời gian các lợi ích kinh tế tương ứng được tạo ra từ các chi phí này.

8. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Các chi phí phát sinh sau ghi nhận ban đầu chỉ được ghi tăng nguyên giá tài sản cố định nếu các chi phí này chắc chắn làm tăng lợi ích kinh tế trong tương lai do sử dụng tài sản đó. Các chi phí phát sinh không thỏa mãn điều kiện trên được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ.

Khi tài sản cố định hữu hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định hữu hình như sau:

<u>Loại tài sản cố định</u>	<u>Số năm</u>
Nhà cửa, vật kiến trúc	06 - 40
Máy móc và thiết bị	02 - 25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	06 - 10
Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05

9. Tài sản cố định thuê tài chính

Thuê tài sản được phân loại là thuê tài chính nếu phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu tài sản thuộc về người đi thuê. Tài sản cố định thuê tài chính được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế. Nguyên giá tài sản cố định thuê tài chính là giá thấp hơn giữa giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu của hợp đồng thuê và giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu. Tỷ lệ chiết khấu để tính giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

thuê tài sản là lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê tài sản hoặc lãi suất ghi trong hợp đồng. Trong trường hợp không thể xác định được lãi suất ngầm định trong hợp đồng thuê thì sử dụng lãi suất tiền vay tại thời điểm khởi đầu việc thuê tài sản.

Tài sản cố định thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Trong trường hợp không chắc chắn Công ty sẽ có quyền sở hữu tài sản khi hết hạn hợp đồng thuê thì tài sản cố định sẽ được khấu hao theo thời gian ngắn hơn giữa thời gian thuê và thời gian hữu dụng ước tính. Tài sản cố định thuê tài chính là máy móc thiết bị có thời gian khấu hao từ 5 - 25 năm.

10. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ hao mòn lũy kế.

Nguyên giá tài sản cố định vô hình bao gồm toàn bộ các chi phí mà Công ty phải bỏ ra để có được tài sản cố định tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Chi phí liên quan đến tài sản cố định vô hình phát sinh sau khi ghi nhận ban đầu được ghi nhận là chi phí sản xuất, kinh doanh trong kỳ trừ khi các chi phí này gắn liền với một tài sản cố định vô hình cụ thể và làm tăng lợi ích kinh tế từ các tài sản này.

Khi tài sản cố định vô hình được bán hay thanh lý, nguyên giá và giá trị hao mòn lũy kế được xóa sổ và lãi, lỗ phát sinh do thanh lý được ghi nhận vào thu nhập hay chi phí trong kỳ.

Tài sản cố định vô hình của Công ty bao gồm:

Quyền sử dụng đất

Quyền sử dụng đất là toàn bộ các chi phí thực tế Công ty đã chi ra có liên quan trực tiếp tới đất sử dụng, bao gồm: tiền chi ra để có quyền sử dụng đất, chi phí cho đền bù, giải phóng mặt bằng, san lấp mặt bằng, lệ phí trước bạ. Quyền sử dụng đất không xác định thời hạn không được tính khấu hao

Chương trình phần mềm máy tính

Chi phí liên quan đến các chương trình phần mềm máy tính không phải là một bộ phận gắn kết với phần cứng có liên quan được vốn hóa. Nguyên giá của phần mềm máy tính là toàn bộ các chi phí mà Công ty đã chi ra tính đến thời điểm đưa phần mềm vào sử dụng. Phần mềm máy tính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 7 - 10 năm.

Bản sắc thương hiệu

Bản sắc thương hiệu được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong 20 năm.

11. Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được ghi nhận cho số tiền phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa và dịch vụ đã nhận được. Chi phí phải trả được ghi nhận dựa trên các ước tính hợp lý về số tiền phải trả.

Việc phân loại các khoản phải trả là phải trả người bán, chi phí phải trả và phải trả khác được thực hiện theo nguyên tắc sau:

- Phải trả người bán phản ánh các khoản phải trả mang tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với Công ty.
- Chi phí phải trả phản ánh các khoản phải trả cho hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán hoặc đã cung cấp cho người mua nhưng chưa chi trả do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán và các khoản phải trả cho người lao động về tiền lương nghỉ phép, các khoản chi phí sản xuất, kinh doanh phải trích trước.
- Phải trả khác phản ánh các khoản phải trả không có tính thương mại, không liên quan đến giao dịch mua, bán, cung cấp hàng hóa dịch vụ.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Các khoản nợ phải trả và chi phí phải trả được phân loại ngắn hạn và dài hạn trên Bảng cân đối kế toán giữa niên độ căn cứ theo kỳ hạn còn lại tại ngày kết thúc kỳ kế toán.

12. Vốn chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu

Vốn góp của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực tế đã góp của các cổ đông.

Thặng dư vốn cổ phần

Thặng dư vốn cổ phần được ghi nhận theo số chênh lệch giữa giá phát hành và mệnh giá cổ phiếu khi phát hành lần đầu hoặc phát hành bổ sung, chênh lệch giữa giá tái phát hành và giá trị sổ sách của cổ phiếu quỹ và cấu phần vốn của trái phiếu chuyển đổi khi đáo hạn. Chi phí trực tiếp liên quan đến việc phát hành bổ sung cổ phiếu và tái phát hành cổ phiếu quỹ được ghi giảm thặng dư vốn cổ phần.

13. Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp được phân phối cho các cổ đông sau khi đã trích lập các quỹ theo Điều lệ của Công ty cũng như các quy định của pháp luật và đã được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

Việc phân phối lợi nhuận cho các cổ đông được cân nhắc đến các khoản mục phi tiền tệ nằm trong lợi nhuận sau thuế chưa phân phối có thể ảnh hưởng đến luồng tiền và khả năng chi trả cổ tức như lãi do đánh giá lại tài sản mang đi góp vốn, lãi do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ, các công cụ tài chính và các khoản mục phi tiền tệ khác.

Cổ tức được ghi nhận là nợ phải trả khi được Đại hội đồng cổ đông phê duyệt.

14. Ghi nhận doanh thu và thu nhập

Doanh thu bán hàng hoá, thành phẩm

Doanh thu bán hàng hóa, thành phẩm được ghi nhận khi đồng thời thỏa mãn các điều kiện sau:

- Công ty đã chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa, sản phẩm cho người mua.
- Công ty không còn nắm giữ quyền quản lý hàng hóa như người sở hữu hàng hóa, sản phẩm hoặc quyền kiểm soát hàng hóa, sản phẩm.
- Doanh thu được xác định tương đối chắc chắn. Khi hợp đồng quy định người mua được quyền trả lại hàng hóa, sản phẩm đã mua theo những điều kiện cụ thể, doanh thu chỉ được ghi nhận khi những điều kiện cụ thể đó không còn tồn tại và người mua không được quyền trả lại hàng hóa (trừ trường hợp khách hàng có quyền trả lại hàng hóa dưới hình thức đổi lại để lấy hàng hóa, sản phẩm, dịch vụ khác).
- Công ty đã hoặc sẽ thu được lợi ích kinh tế từ giao dịch bán hàng.
- Xác định được chi phí liên quan đến giao dịch bán hàng.

Tiền lãi

Tiền lãi được ghi nhận trên cơ sở thời gian và lãi suất thực tế từng kỳ.

Cổ tức và lợi nhuận được chia

Cổ tức và lợi nhuận được chia được ghi nhận khi Công ty được quyền nhận cổ tức hoặc lợi nhuận từ việc góp vốn. Cổ tức được nhận bằng cổ phiếu chỉ được theo dõi số lượng cổ phiếu tăng thêm, không ghi nhận giá trị cổ phiếu nhận được.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

15. Chi phí đi vay

Chi phí đi vay bao gồm lãi tiền vay và các chi phí khác phát sinh liên quan trực tiếp đến các khoản vay.

Chi phí đi vay được ghi nhận vào chi phí khi phát sinh. Trường hợp chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang cần có một thời gian đủ dài (trên 12 tháng) để có thể đưa vào sử dụng theo mục đích định trước hoặc bán thì chi phí đi vay này được tính vào giá trị của tài sản đó. Đối với khoản vay riêng phục vụ việc xây dựng tài sản cố định, bất động sản đầu tư, lãi vay được vốn hóa kể cả khi thời gian xây dựng dưới 12 tháng. Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Đối với các khoản vốn vay chung trong đó có sử dụng cho mục đích đầu tư xây dựng hoặc sản xuất tài sản dở dang thì chi phí đi vay vốn hóa được xác định theo tỷ lệ vốn hóa đối với chi phí lũy kế bình quân gia quyền phát sinh cho việc đầu tư xây dựng cơ bản hoặc sản xuất tài sản đó. Tỷ lệ vốn hóa được tính theo tỷ lệ lãi suất bình quân gia quyền của các khoản vay chưa trả trong kỳ, ngoại trừ các khoản vay riêng biệt phục vụ cho mục đích hình thành một tài sản cụ thể.

16. Các khoản chi phí

Chi phí là những khoản làm giảm lợi ích kinh tế được ghi nhận tại thời điểm giao dịch phát sinh hoặc khi có khả năng tương đối chắc chắn sẽ phát sinh trong tương lai không phân biệt đã chi tiền hay chưa.

Các khoản chi phí và khoản doanh thu do nó tạo ra phải được ghi nhận đồng thời theo nguyên tắc phù hợp. Trong trường hợp nguyên tắc phù hợp xung đột với nguyên tắc thận trọng, chi phí được ghi nhận căn cứ vào bản chất và quy định của các chuẩn mực kế toán để đảm bảo phản ánh giao dịch một cách trung thực, hợp lý.

17. Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp bao gồm thuế thu nhập hiện hành và thuế thu nhập hoãn lại.

Thuế thu nhập hiện hành

Thuế thu nhập hiện hành là khoản thuế được tính dựa trên thu nhập tính thuế. Thu nhập tính thuế chênh lệch so với lợi nhuận kế toán là do điều chỉnh các khoản chênh lệch tạm thời giữa thuế và kế toán, các chi phí không được trừ cũng như điều chỉnh các khoản thu nhập không phải chịu thuế và các khoản lỗ được chuyển.

Thuế thu nhập hoãn lại

Thuế thu nhập hoãn lại là khoản thuế thu nhập doanh nghiệp sẽ phải nộp hoặc sẽ được hoàn lại do chênh lệch tạm thời giữa giá trị ghi sổ của tài sản và nợ phải trả cho mục đích lập Báo cáo tài chính tổng hợp giữa niên độ và cơ sở tính thuế thu nhập. Thuế thu nhập hoãn lại phải trả được ghi nhận cho tất cả các khoản chênh lệch tạm thời chịu thuế. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại chỉ được ghi nhận khi chắc chắn trong tương lai sẽ có lợi nhuận tính thuế để sử dụng những chênh lệch tạm thời được khấu trừ này.

Giá trị ghi sổ của tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và sẽ được ghi giảm đến mức đảm bảo chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế cho phép lợi ích của một phần hoặc toàn bộ tài sản thuế thu nhập hoãn lại được sử dụng. Các tài sản thuế thu nhập doanh nghiệp hoãn lại chưa được ghi nhận trước đây được xem xét lại vào ngày kết thúc kỳ kế toán và được ghi nhận khi chắc chắn có đủ lợi nhuận tính thuế để có thể sử dụng các tài sản thuế thu nhập hoãn lại chưa ghi nhận này.

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được xác định theo thuế suất dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán dựa trên các mức thuế suất có hiệu lực tại ngày kết thúc kỳ kế toán. Thuế thu nhập hoãn lại được ghi nhận vào Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh giữa niên độ và chỉ ghi trực tiếp vào vốn chủ sở hữu khi khoản thuế đó liên quan đến các khoản mục được ghi thẳng vào vốn chủ sở hữu.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả được bù trừ khi:

- Công ty có quyền hợp pháp được bù trừ giữa tài sản thuế thu nhập hiện hành với thuế thu nhập hiện hành phải nộp;
- Các tài sản thuế thu nhập hoãn lại và thuế thu nhập hoãn lại phải trả này liên quan đến thuế thu nhập doanh nghiệp được quản lý bởi cùng một cơ quan thuế:
 - Đối với cùng một đơn vị chịu thuế; hoặc
 - Công ty dự định thanh toán thuế thu nhập hiện hành phải trả và tài sản thuế thu nhập hiện hành trên cơ sở thuần hoặc thu hồi tài sản đồng thời với việc thanh toán nợ phải trả trong từng kỳ tương lai khi các khoản trọng yếu của thuế thu nhập hoãn lại phải trả hoặc tài sản thuế thu nhập hoãn lại được thanh toán hoặc thu hồi.

18. Bên liên quan

Các bên được coi là liên quan nếu một bên có khả năng kiểm soát hoặc có ảnh hưởng đáng kể đối với bên kia trong việc ra quyết định các chính sách tài chính và hoạt động. Các bên cũng được xem là bên liên quan nếu cùng chịu sự kiểm soát chung hay chịu ảnh hưởng đáng kể chung.

Trong việc xem xét mối quan hệ của các bên liên quan, bản chất của mối quan hệ được chú trọng nhiều hơn hình thức pháp lý.

19. Báo cáo theo bộ phận

Bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh khác.

Bộ phận theo khu vực địa lý là một phần có thể xác định riêng biệt tham gia vào quá trình sản xuất hoặc cung cấp sản phẩm, dịch vụ trong phạm vi một môi trường kinh tế cụ thể và có rủi ro và lợi ích kinh tế khác với các bộ phận kinh doanh trong các môi trường kinh tế khác.

Thông tin bộ phận được lập và trình bày phù hợp với chính sách kế toán áp dụng cho việc lập và trình bày Báo cáo tài chính giữa niên độ của Công ty.

V. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN GIỮA NIÊN ĐỘ

1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền mặt	3.224.300	51.027.103
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	5.481.386.788	20.004.612.350
Cộng	5.484.611.088	20.055.639.453

2. Các khoản đầu tư tài chính

2a. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn (ngắn hạn)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Tiền gửi có kỳ hạn ⁽ⁱ⁾	134.000.000.000	109.000.000.000

- ⁽ⁱ⁾ Các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn 12 tháng tại các Ngân hàng thương mại, với lãi suất từ 4,3% đến 5,2%/năm.

Toàn bộ các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn đang được cầm cố thế chấp đảm bảo cho nghĩa vụ vay ngân hàng (xem thuyết minh V.19a).

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2b. Đầu tư vào công ty con

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế	1.007.810.725	(1.007.810.725)	1.007.810.725	(1.007.810.725)
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn	163.000.000.000	-	163.000.000.000	-
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	79.980.000.000	-	79.980.000.000	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas	102.750.000.000	(10.986.081.018)	102.750.000.000	-
Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas	55.000.000.000	-	55.000.000.000	-
Cộng	401.737.810.725	(11.993.891.743)	401.737.810.725	(1.007.810.725)

Số lượng cổ phần và tỷ lệ sở hữu của Công ty như sau:

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu	Số lượng cổ phần	Tỷ lệ sở hữu
Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế		51,00%		51,00%
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn		100,00%		100,00%
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	7.998.000	99,98%	7.998.000	99,98%
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas	10.275.000	84,20%	10.275.000	84,20%
Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas	5.500.000	55,00%	5.500.000	55,00%

Giá trị hợp lý

Công ty chưa xác định giá trị hợp lý của các khoản đầu tư không niêm yết do chưa có hướng dẫn cụ thể về việc xác định giá trị hợp lý.

Tình hình hoạt động của các công ty con

- Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế đang tạm ngưng hoạt động từ năm 2013.
- Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn không phát sinh doanh thu trong kỳ. Hoạt động chính trong kỳ là đầu tư tài chính, bao gồm đầu tư cổ phiếu các công ty chưa niêm yết, góp vốn, hợp đồng hợp tác đầu tư.
- Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas đang hoạt động kinh doanh bình thường, không có thay đổi lớn so với kỳ trước.
- Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas đang hoạt động kinh doanh bình thường, kỳ trước đang trong giai đoạn đầu tư xây dựng nhà xưởng.
- Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas không phát sinh doanh thu trong kỳ. Hoạt động chính trong kỳ là đầu tư tài chính bao gồm đầu tư các cổ phiếu các công ty chưa niêm yết và hợp đồng hợp tác đầu tư.

Dự phòng cho các khoản đầu tư góp vốn vào đơn vị khác

Tình hình biến động dự phòng đầu tư góp vốn vào đơn vị khác như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	1.007.810.725	1.007.810.725
Trích lập dự phòng bổ sung	10.986.081.018	-
Số cuối kỳ	11.993.891.743	1.007.810.725

Giao dịch với các công ty con

Xem Thuyết minh VII.1.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

3. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải thu các bên liên quan	39.541.544.352	955.784.763
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	19.089.176.474	955.784.763
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas	20.452.367.878	-
Phải thu các khách hàng khác	204.197.349.030	220.877.116.140
Công ty Cổ phần Dược phẩm Mạnh Toàn	13.373.981.523	10.673.591.349
Công ty TNHH Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế Quân Anh	11.581.212.336	8.533.349.050
Công ty Cổ phần Dược phẩm Sano Việt Nam	14.053.292.096	11.052.958.652
Các khách hàng khác	165.188.863.075	190.617.217.089
Cộng	243.738.893.382	221.832.900.903

4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Cơ nhiệt Điện lạnh Bách Khoa	-	32.994.813.450
Trenwell Services Llc	12.066.253.779	16.339.862.500
Reems Technology	3.081.719.009	114.466.669
Công ty Nitta Gelatin Inc	-	2.392.018.000
Các nhà cung cấp khác	14.792.078.222	12.986.729.599
Cộng	29.940.051.010	64.827.890.218

5. Phải thu khác

5a. Phải thu ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Phải thu các bên liên quan	271.446.516.534	-	223.375.740.609	-
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn – Hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	236.934.871.329	-	209.583.451.019	-
Gốc	229.002.524.041	-	199.978.604.178	-
Lợi nhuận	7.932.347.288	-	9.604.846.841	-
Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas - Hợp đồng hợp tác đầu tư (*)	34.491.645.205	-	13.792.289.590	-
Gốc	33.900.000.000	-	13.260.000.000	-
Lợi nhuận	591.645.205	-	532.289.590	-
Ông Nguyễn Trọng Đức - Phó Tổng Giám đốc - Tạm ứng	20.000.000	-	-	-
Phải thu tổ chức/cá nhân khác	18.498.942.255 (4.349.490.202)	-	17.679.330.869 (4.349.490.202)	-
Phải thu về cổ phần hóa	5.600.000	-	5.600.000	-
Dự thu lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.813.038.908	-	2.463.072.730	-
Ký cược, ký quỹ	158.802.596	-	428.302.596	-
Tạm ứng	1.872.460.154	-	2.145.116.204	-
Thuế GTGT của tài sản thuê tài chính	8.508.584.666	-	7.531.505.244	-
Các khoản phải thu ngắn hạn khác	5.140.455.931 (4.349.490.202)	-	5.105.734.095 (4.349.490.202)	-
Cộng	289.945.458.789 (4.349.490.202)	-	241.055.071.478 (4.349.490.202)	-

(*) Các hợp đồng hợp tác đầu tư với Công ty con, thời hạn hợp tác là 12 tháng, Công ty được hưởng lợi nhuận cố định 6,5%-9%/365 ngày mà không phụ thuộc vào kết quả hoạt động kinh doanh của

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Công ty con. Từ sau ngày kết thúc kỳ kế toán đến thời điểm lập báo cáo này, Công ty đã thu hồi thêm gốc và lợi nhuận phát sinh liên quan đến số dư ngày 30/06/2025 của các Hợp đồng hợp tác đầu tư với số tiền lần lượt là 7.521.657.603 VND và 77.847.124 VND.

5b. Phải thu dài hạn khác

Là khoản ký cược, ký quỹ dài hạn.

6. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Phải thu tiền bán hàng	26.081.845.309	(17.382.173.401)	24.513.162.775	(16.543.115.602)
Phải thu các khoản chi hộ	3.659.656.462	(3.659.656.462)	3.659.656.462	(3.659.656.462)
Phải thu tiền tạm ứng	689.833.740	(689.833.740)	689.833.740	(689.833.740)
Ứng trước cho người bán	562.388.927	(562.388.927)	562.388.927	(562.388.927)
Cộng	30.993.724.438	(22.294.052.530)	29.425.041.904	(21.454.994.731)

Tình hình biến động dự phòng nợ phải thu khó đòi như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	21.454.994.731	20.718.726.171
Trích lập dự phòng bổ sung	3.142.952.546	1.039.098.094
Hoàn nhập dự phòng	(2.303.894.747)	(783.521.532)
Số cuối kỳ	22.294.052.530	20.974.302.733

7. Hàng tồn kho

	Số cuối kỳ		Số đầu năm	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng mua đang đi trên đường	32.770.277.408	-	29.242.530.353	-
Nguyên liệu, vật liệu	224.114.557.585	(4.572.005.749)	155.207.740.024	(3.988.871.018)
Công cụ, dụng cụ	10.364.862.966	-	11.077.312.119	-
Thành phẩm	122.482.792.767	(6.032.671.499)	118.999.719.626	(5.190.723.370)
Hàng hóa	27.774.264.470	(1.238.334.622)	33.790.177.322	(1.212.725.251)
Cộng	417.506.755.196	(11.843.011.870)	348.317.479.444	(10.392.319.639)

Hàng tồn kho bao gồm nguyên liệu, vật liệu, thành phẩm và hàng hóa, giá trị 282.930.928.274 VND, đã được thế chấp để đảm bảo cho nghĩa vụ vay ngân hàng (xem thuyết minh V.19).

Tình hình biến động dự phòng giảm giá hàng tồn kho như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	10.392.319.639	7.431.405.419
Trích lập dự phòng bổ sung	1.450.692.231	1.910.900.176
Số cuối kỳ	11.843.011.870	9.342.305.595

8. Chi phí trả trước

8a. Chi phí trả trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	1.071.602.908	1.473.915.790
Chi phí bảo hiểm	46.742.851	601.263.390
Chi phí phần mềm	909.657.500	892.461.281
Các chi phí trả trước ngắn hạn khác	808.138.014	243.428.151
Cộng	2.836.141.273	3.211.068.612

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**8b. Chi phí trả trước dài hạn**

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Chi phí công cụ dụng cụ	7.193.327.875	6.138.508.475
Các chi phí trả trước dài hạn khác	6.553.278.516	6.074.019.612
Cộng	13.746.606.391	12.212.528.087

9. Tài sản cố định hữu hình

	Nhà cửa, vật kiến trúc	Máy móc và thiết bị	Phương tiện vận tải, truyền dẫn	Thiết bị, dụng cụ quản lý	Cộng
Nguyên giá					
Số đầu năm	230.984.054.880	660.418.916.375	24.638.635.829	4.142.761.771	920.184.368.855
Mua trong kỳ	-	74.000.000	-	-	74.000.000
Đầu tư XDCB hoàn thành	9.354.926.633	7.353.946.000	-	356.481.481	17.065.354.114
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	11.019.163.039	-	-	11.019.163.039
Thanh lý, nhượng bán	-	(67.571.935.333)	-	(107.427.000)	(67.679.362.333)
Số cuối kỳ	240.338.981.513	611.294.090.081	24.638.635.829	4.391.816.252	880.663.523.675
Trong đó:					
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	13.613.371.805	199.684.345.550	11.702.340.441	2.005.914.862	227.005.972.658
Chờ thanh lý	-	13.337.109.819	-	90.000.000	13.427.109.819
Giá trị hao mòn					
Số đầu năm	71.812.072.047	418.575.089.751	18.854.899.451	2.391.294.604	511.633.355.853
Khấu hao trong kỳ	4.047.875.083	10.857.814.765	755.523.607	112.067.466	15.773.280.921
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	-	9.086.474.004	-	-	9.086.474.004
Thanh lý, nhượng bán	-	(57.595.606.420)	-	(107.427.000)	(57.703.033.420)
Số cuối kỳ	75.859.947.130	380.923.772.100	19.610.423.058	2.395.935.070	478.790.077.358
Giá trị còn lại					
Số đầu năm	159.171.982.833	241.843.826.624	5.783.736.378	1.751.467.167	408.551.013.002
Số cuối kỳ	164.479.034.383	230.370.317.981	5.028.212.771	1.995.881.182	401.873.446.317

Một số tài sản cố định hữu hình có giá trị còn lại theo sổ sách là 250.537.980.985 VND đã được thế chấp, cầm cố để đảm bảo cho các khoản vay của Ngân hàng (xem thuyết minh V.19b)

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**10. Tài sản cố định thuê tài chính**

Là máy móc thiết bị. Chi tiết như sau

	Nguyên giá	Hao mòn lũy kế	Giá trị còn lại
Số đầu năm	22.876.854.258	9.363.314.894	13.513.539.364
Thuê tài chính trong kỳ (kết chuyển từ XDCD dở dang)	176.450.409.339	-	176.450.409.339
Mua lại tài sản cố định thuê tài chính	(11.019.163.039)	(9.086.474.004)	(1.932.689.035)
Khấu hao trong kỳ	-	5.529.240.620	(5.529.240.620)
Số cuối kỳ	188.308.100.558	5.806.081.510	182.502.019.048

11. Tài sản cố định vô hình

	Quyền sử dụng đất	Chương trình phần mềm	Bản sắc thương hiệu (*)	Cộng
Nguyên giá				
Số đầu năm	203.067.927	4.648.620.640	988.680.000	5.840.368.567
Số cuối kỳ	203.067.927	4.648.620.640	988.680.000	5.840.368.567
<i>Trong đó:</i>				
Đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng	-	569.916.700	-	569.916.700
Giá trị hao mòn				
Số đầu năm	-	1.695.085.945	425.682.210	2.120.768.155
Khấu hao trong kỳ	-	205.471.588	24.717.000	230.188.588
Số cuối kỳ	-	1.900.557.533	450.399.210	2.350.956.743
Giá trị còn lại				
Số đầu năm	203.067.927	2.953.534.695	562.997.790	3.719.600.412
Số cuối kỳ	203.067.927	2.748.063.107	538.280.790	3.489.411.824

(*) Là bản sắc thương hiệu Dược Cửu Long hình thành từ 10/01/2016, thời gian khấu hao 20 năm.

12. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

	Số đầu năm	Chi phí phát sinh trong kỳ	Kết chuyển vào TSCĐ trong kỳ	Kết chuyển giảm khác	Số cuối kỳ
Mua sắm tài sản cố định	-	296.920.000	(74.000.000)	-	222.920.000
Xây dựng cơ bản dở dang	339.912.913.689	50.882.597.338	(193.515.763.453)	(1.836.763.575)	195.442.983.999
<i>Công trình</i>					
Nhà máy tại Long An ⁽ⁱ⁾	186.066.914.053	9.208.913.607	-	-	195.275.827.660
Dự án dây chuyền Capsule 5 ⁽ⁱⁱ⁾	152.392.172.368	32.752.963.443	(183.308.372.236)	(1.836.763.575)	-
Dự án khác	1.453.827.268	8.920.720.288	(10.207.391.217)	-	167.156.339
Cộng	339.912.913.689	51.179.517.338	(193.589.763.453)	(1.836.763.575)	195.665.903.999

(i) Công trình nhà máy tại Long An theo Giấy chứng nhận đầu tư số 6037037488 của Ban quản lý Khu kinh tế tỉnh Long An ngày 30 tháng 6 năm 2022 mục đích để sản xuất thuốc, dược phẩm và vật tư y tế với tổng vốn đầu tư 1.035 tỷ VND.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Trong đó, quyền sử dụng đất tại KCN Hựu Thạnh, tỉnh Long An, với giá trị 161,7 tỷ VND, đã được sử dụng làm tài sản thế chấp cho khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An (xem Thuyết minh V.19).

- (ii) Dự án dây chuyền Capsule giai đoạn 5 với mục đích đầu tư mở rộng sản xuất viên nang rỗng, làm tăng công suất sản xuất cho nhà máy với tổng vốn đầu tư là 232,4 tỷ đồng. Tháng 01/2025, dự án đã được đưa vào sử dụng.

Tổng chi phí đi vay được vốn hóa vào chi phí xây dựng cơ bản dở dang trong kỳ là 2.139.077.429 VND (kỳ trước: 9.728.490.231 VND)

13. Tài sản thuế thu nhập hoãn lại

Tài sản thuế thu nhập hoãn lại liên quan đến khoản chênh lệch tạm thời được khấu trừ (chi phí phải trả). Chi tiết phát sinh trong kỳ như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	2.048.913.027	2.714.898.105
Ghi nhận vào kết quả kinh doanh	271.384.883	(498.478.691)
Số cuối kỳ	2.320.297.910	2.216.419.414

Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp sử dụng để xác định giá trị tài sản thuế thu nhập hoãn lại là 20% (kỳ trước thuế suất là 20%).

14. Phải trả người bán ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	25.054.161.311	45.990.591.618
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	2.066.433.120	9.485.212.027
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	7.916.005	-
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	22.979.812.186	36.505.379.591
Phải trả các nhà cung cấp khác	84.046.915.410	48.667.583.882
Công ty TNHH Larissa Pharma	25.642.575.000	-
Công ty Cổ phần Đầu tư Ww	15.398.326.219	14.817.760.462
Công ty Nectar Lifesciences - Ấn Độ	-	9.790.632.180
Pharmascience Inc	10.389.478.886	4.429.061.442
Shouguang Fukang Pharmaceutical Co., Ltd	-	3.285.858.600
Các nhà cung cấp khác	32.616.535.305	16.344.271.198
Cộng	109.101.076.721	94.658.175.500

15. Người mua trả tiền trước ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty TNHH Dược phẩm Bắc Bình	952.380.000	1.552.379.400
Công ty TNHH Dịch vụ Đầu tư Phát triển Y tế Hà Nội	300.000.000	300.000.000
Công ty Cổ phần Nam Việt Tín	320.089.000	-
Các khách hàng khác	1.068.157.236	2.544.134.703
Cộng	2.640.626.236	4.396.514.103

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**16. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước****16a. Phải thu**

	Số đầu năm	Số đã bù trừ trong kỳ	Số phải thu trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	1.027.656.493	1.027.656.493	2.153.308.619	2.153.308.619
Thuế xuất, nhập khẩu	124.235.899	424.274.730	566.215.197	266.176.366
Cộng	1.151.892.392	1.451.931.223	2.719.523.816	2.419.484.985

16b. Phải nộp

	Số đầu năm	Số phải nộp trong kỳ	Số đã thực nộp trong kỳ	Số cuối kỳ
Thuế GTGT hàng nhập khẩu	-	15.527.781.099	15.527.781.099	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	10.106.718.268	7.097.014.319	10.131.979.512	7.071.753.075
Thuế thu nhập cá nhân	134.256.975	1.002.564.323	949.922.608	186.898.690
Tiền thuê đất	-	816.963.190	392.142.330	424.820.860
Các loại thuế khác	-	629.806.481	629.806.481	-
Cộng	10.240.975.243	25.074.129.412	27.631.632.030	7.683.472.625

Thuế giá trị gia tăng

Công ty nộp thuế giá trị gia tăng theo phương pháp khấu trừ. Thuế suất thuế giá trị gia tăng như sau:

- Thuế GTGT cho mặt hàng dược phẩm, dụng cụ y tế 5%
- Thuế GTGT cho mặt hàng khác 8 - 10%

Thuế xuất, nhập khẩu

Công ty kê khai và nộp theo thông báo của Hải quan.

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Công ty phải nộp thuế thu nhập doanh nghiệp với thuế suất 20%.

Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp trong kỳ được dự tính như sau:

	Kỳ này	Kỳ trước
Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	30.080.992.090	33.475.101.413
Các khoản điều chỉnh tăng, giảm lợi nhuận kế toán để xác định lợi nhuận chịu thuế thu nhập doanh nghiệp:	5.277.773.285	(2.095.145.285)
Chi phí chưa có hóa đơn, chứng từ	1.356.924.413	(2.492.393.455)
Chi phí không được trừ	3.599.903.233	264.484.958
Thù lao HĐQT, BKS không điều hành	318.000.000	168.000.000
Lãi/lỗ chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện của tiền và các khoản phải thu	2.945.639	(35.236.788)
Thu nhập chịu thuế	35.358.765.375	31.379.956.128
Thuế suất thuế thu nhập doanh nghiệp	20%	20%
Thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp	7.071.753.075	6.275.991.226
Điều chỉnh thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của các năm trước	25.261.244	12.771.455
Thuế thu nhập doanh nghiệp còn phải nộp	7.097.014.319	6.288.762.681

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Việc xác định thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp của Công ty được căn cứ vào các quy định hiện hành về thuế. Tuy nhiên, những quy định này thay đổi theo từng thời kỳ và các quy định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau. Do vậy số thuế được trình bày trên Báo cáo tài chính giữa niên độ có thể sẽ thay đổi khi cơ quan thuế kiểm tra.

Tiền thuê đất

Tiền thuê đất được nộp theo thông báo của cơ quan thuế

Các loại thuế khác

Công ty kê khai và nộp theo quy định.

17. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	4.794.771.572	-
Công ty Cổ phần Dược Phẩm Benovas - chi phí hỗ trợ bán hàng	4.794.771.572	-
Phải trả các tổ chức và cá nhân khác	6.216.169.065	9.654.016.224
Chi phí lãi vay phải trả	623.582.663	569.014.285
Chi phí hỗ trợ bán hàng	3.369.206.963	4.957.712.548
Các chi phí phải trả ngắn hạn khác	2.223.379.439	4.127.289.391
Cộng	11.010.940.637	9.654.016.224

18. Phải trả ngắn hạn khác

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Phải trả các bên liên quan	-	1.088.504.119
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T – chi hộ	-	1.088.504.119
Phải trả các đơn vị và cá nhân khác	1.304.169.359	1.215.966.710
Tài sản thừa chờ giải quyết	172.739.856	172.739.856
Kinh phí công đoàn	192.358.780	206.550.269
Cổ tức phải trả	83.802.660	83.802.660
Các khoản phải trả ngắn hạn khác	855.268.063	752.873.925
Cộng	1.304.169.359	2.304.470.829

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

19. Vay và nợ thuê tài chính

19a. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay ngắn hạn ngân hàng (*)	536.556.810.177	394.064.014.870
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	92.144.936.712	77.041.198.112
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	199.982.315.297	149.913.373.175
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ	97.413.660.342	70.835.140.456
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An	97.542.024.233	96.274.303.127
Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank – Chi nhánh Hồ Chí Minh	49.473.873.593	-
Vay dài hạn đến hạn trả (xem thuyết minh số V.19b)	61.265.624.004	61.265.624.004
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long	22.000.000.000	22.000.000.000
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam – Chi nhánh Vĩnh Long	8.840.624.000	8.840.624.000
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam – Chi nhánh Thành An	30.425.000.004	30.425.000.004
Nợ thuê tài chính đến hạn trả - Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam (xem thuyết minh số V.19b)	24.375.083.640	24.544.084.140
Cộng	622.197.517.821	479.873.723.014

(*) Các khoản vay ngắn hạn ngân hàng có thời hạn không quá 12 tháng để bổ sung vốn lưu động phục vụ hoạt động kinh doanh. Chi tiết như sau:

Ngân hàng	Hạn mức	Lãi suất (năm)
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱ⁾	100 tỷ VND	5%-5,7%
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱⁱ⁾	300 tỷ VND	4,7% - 4,9%
Ngân hàng TMCP Quân đội - Chi nhánh Cần Thơ ⁽ⁱⁱⁱ⁾	100 tỷ VND	5,5% -5,81%
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ^(iv)	200 tỷ VND	5,0%
Ngân hàng Đại chúng TNHH Kasikornbank – Chi nhánh Hồ Chí Minh	50 tỷ VND	4,5% - 5%

(i) Tài sản thế chấp là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn (Xem Thuyết minh V.2a).

(ii) Khoản vay được đảm bảo bằng toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị, hàng tồn kho luân chuyển với giá trị 65 tỷ VND và các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn.

(iii) Tài sản thế chấp là các hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn và hàng tồn kho.

(iv) Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, hàng tồn kho và tài sản cố định hữu hình của Công ty.

(v) Khoản vay được đảm bảo bằng hợp đồng tiền gửi có kỳ hạn, quyền đòi nợ phải thu của Công ty.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn trong kỳ như sau:

	Vay ngắn hạn ngân hàng	Vay dài hạn đến hạn trả	Nợ thuê tài chính đến hạn trả	Cộng
Số đầu năm	394.064.014.870	61.265.624.004	24.544.084.140	479.873.723.014
Số tiền vay phát sinh	632.568.632.742	-	-	632.568.632.742
Kết chuyển từ vay và nợ dài hạn	-	30.632.812.002	13.662.448.627	44.295.260.629
Số tiền vay đã trả	(490.075.837.435)	(30.632.812.002)	(13.831.449.127)	(534.540.098.564)
Số cuối kỳ	536.556.810.177	61.265.624.004	24.375.083.640	622.197.517.821

19b. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Vay dài hạn ngân hàng	46.400.293.636	77.033.105.638
Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱ⁾	19.264.825.167	30.264.825.167
Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An ⁽ⁱⁱ⁾	5.033.913.318	20.246.413.320
Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long ⁽ⁱⁱⁱ⁾	22.101.555.151	26.521.867.151
Nợ thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam ^(iv)	85.607.855.708	96.872.822.835
Cộng	132.008.149.344	173.905.928.473

- (i) Khoản vay Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long từ năm 2021 để đầu tư thực hiện Dự án "đầu tư Nhà máy sản xuất Capsule - Giai đoạn 4" tại số 21B, Phan Đình Phùng, Phường 8, TP Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long; hạn mức là 140.000.000.000 VND, nhưng tối đa không vượt quá 70% tổng mức đầu tư của Dự án không bao gồm VAT, thời hạn vay tối đa là 72 tháng kể từ ngày giải ngân đầu tiên đến hết ngày đáo hạn quy định tại văn bản nhận nợ. Lãi suất vay từ 7,3%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng toàn bộ tài sản bao gồm công trình xây dựng và máy móc thiết bị hình thành trong tương lai từ dự án Capsule 3.
- (ii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam - Chi nhánh Thành An từ năm 2022 với mục đích thanh toán chi phí thuê đất của Tổng Công ty Idico tại KCN Hựu Thạnh, tỉnh Long An; hạn mức 121.700.000.000 VND, thời hạn vay tối đa là 48 tháng kể từ ngày tiếp theo của ngày giải ngân khoản nợ đầu tiên. Lãi suất vay 9,2%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng Giấy chứng nhận quyền sử dụng đất của khu đất (xem thuyết minh V.12).
- (iii) Khoản vay Ngân hàng TMCP Đầu tư & Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Vĩnh Long từ năm 2023 để đầu tư dự án "Xây dựng kho Dược phẩm và Tòa nhà R&D đạt tiêu chuẩn GSP, GLP"; hạn mức 59.000.000.000 VND, thời hạn vay tối đa 60 tháng kể từ ngày giải ngân vốn vay lần đầu. Lãi suất vay 7,8%/năm. Khoản vay được thế chấp bằng Quyền sử dụng đất ở Khóm 6, phường 5, thành phố Vĩnh Long, tỉnh Vĩnh Long và các tài sản hình thành trong tương lai của dự án này.
- (iv) Thuê tài chính Công ty Cho thuê Tài chính TNHH MTV Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam theo các hợp đồng từ năm 2022 và 2023 để thuê các máy móc thiết bị, dây chuyền sản xuất viên nang, xe ô tô tải đông lạnh và hệ thống HVAC cho nhà máy Capsule - Giai đoạn 5. Thời hạn thuê từ 05 đến 07 năm, lãi suất 9,2%/năm.

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

Kỳ hạn thanh toán các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Từ 1 năm trở xuống	85.640.707.644	85.809.708.144
Trên 1 năm đến 5 năm	129.853.751.594	167.470.524.598
Trên 5 năm	2.154.397.750	6.435.403.875
Cộng	217.648.856.988	259.715.636.617

Tổng nợ thuê tài chính phải trả như sau:

	Từ 1 năm trở xuống	Trên 1 năm đến 5 năm	Trên 5 năm	Cộng
Số cuối kỳ				
Tiền gốc phải trả	24.375.083.640	83.453.457.958	2.154.397.750	109.982.939.348
Lãi thuê phải trả	9.091.971.329	14.930.171.010	64.053.551	24.086.195.890
Nợ thuê tài chính phải trả	33.467.054.969	98.383.628.968	2.218.451.301	134.069.135.238

Số đầu năm

Tiền gốc phải trả	24.544.084.140	90.437.418.960	6.435.403.875	121.416.906.975
Lãi thuê phải trả	10.479.546.246	19.262.617.901	221.730.399	29.963.894.546
Nợ thuê tài chính phải trả	35.023.630.386	109.700.036.861	6.657.134.274	151.380.801.521

Chi tiết số phát sinh về các khoản vay và nợ thuê tài chính dài hạn như sau:

	Vay dài hạn ngân hàng	Nợ thuê tài chính	Cộng
Số đầu năm	77.033.105.638	96.872.822.835	173.905.928.473
Nợ thuê tài chính phát sinh trong kỳ	-	2.397.481.500	2.397.481.500
Kết chuyển sang vay dài hạn đến hạn trả	(30.632.812.002)	(13.662.448.627)	(44.295.260.629)
Số cuối kỳ	46.400.293.636	85.607.855.708	132.008.149.344

19c. Vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán

Công ty không có các khoản vay và nợ thuê tài chính quá hạn chưa thanh toán.

20. Quỹ khen thưởng, phúc lợi

	Kỳ này	Kỳ trước
Số đầu năm	3.429.049.961	4.144.325.453
Tăng do trích lập từ lợi nhuận	2.000.000.000	2.000.000.000
Chi quỹ	(2.680.600.105)	(2.430.597.066)
Số cuối kỳ	2.748.449.856	3.713.728.387

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

21. Vốn chủ sở hữu

21a. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu

	Vốn đầu tư của chủ sở hữu	Thặng dư vốn cổ phần	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	Nguồn vốn đầu tư XDCB	Cộng
Số đầu năm trước	730.410.300.000	220.358.863.743	402.869.091.892	20.166.850	1.353.658.422.485
Lợi nhuận trong kỳ trước	-	-	26.687.860.041	-	26.687.860.041
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(2.000.000.000)	-	(2.000.000.000)
Số dư cuối kỳ trước	730.410.300.000	220.358.863.743	427.556.951.933	20.166.850	1.378.346.282.526
Số dư đầu năm nay	730.410.300.000	220.358.863.743	443.503.442.969	20.166.850	1.394.292.773.562
Lợi nhuận trong kỳ này	-	-	23.255.362.654	-	23.255.362.654
Trích lập quỹ khen thưởng phúc lợi	-	-	(2.000.000.000)	-	(2.000.000.000)
Số dư cuối kỳ này	730.410.300.000	220.358.863.743	464.758.805.623	20.166.850	1.415.548.136.216

21b. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	424.026.160.000	424.026.160.000
Các cổ đông khác	306.384.140.000	306.384.140.000
Cộng	730.410.300.000	730.410.300.000

21c. Cổ phiếu

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	73.041.030	73.041.030
Số lượng cổ phiếu phổ thông đã phát hành	73.041.030	73.041.030
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	73.041.030	73.041.030
Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND.		

21d. Phân phối lợi nhuận

Trong kỳ Công ty đã phân phối lợi nhuận theo Nghị quyết Đại hội cổ đông thường niên năm 2025 số 01/2025/NQ-ĐHĐCĐ ngày 25 tháng 4 năm 2025 như sau:

	VND
• Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	2.000.000.000

22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán giữa niên độ

22a. Ngoại tệ các loại

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Dollar Mỹ (USD)	11.162,36	8.975,76

22b. Nợ khó đòi đã xử lý từ thời điểm 01/01/2023 đến thời điểm 30/06/2025

Theo Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2023 của Công ty Cổ phần Dược phẩm Cửu Long số 01/2023/NQ-ĐHĐCĐ ngày 17 tháng 4 năm 2023 và Tờ trình số 07/2023/TT-ĐHĐCĐ ngày 13 tháng 4 năm 2023, Công ty đã tiến hành xóa nợ cho một số đối tượng công nợ lâu ngày khó đòi đã không còn khả năng thu hồi phát sinh từ năm 2015:

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

	Số cuối kỳ	Số đầu năm
Công Ty TNHH Dược Phẩm Thiên Sơn	16.428.897.499	16.428.897.499
Công ty Liên doanh MSC (Lào)	6.409.912.464	6.409.912.464
Công ty TNHH Dược Phẩm Hải Tâm	4.975.554.629	4.975.554.629
Medical Supply Pharm Enterprise (Cambodia)	3.416.271.572	3.416.271.572
Drug Sivilay Import Export Co. (Lào)	1.310.050.560	1.310.050.560
Các đối tượng khác	3.622.105.757	3.622.105.757
Cộng	36.162.792.481	36.162.792.481

VI. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRONG BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH GIỮA NIÊN ĐỘ**1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ****1a. Tổng doanh thu**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Doanh thu bán hàng hóa	346.589.391.411	212.849.546.091
Doanh thu bán thành phẩm	348.920.735.797	339.886.852.342
Cộng	695.510.127.208	552.736.398.433

1b. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ cho các bên liên quan

Xem Thuyết minh VII.1.

2. Các khoản giảm trừ doanh thu

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chiết khấu thương mại	6.848.590.729	3.901.090.835
Hàng bán bị trả lại	6.002.472.969	1.435.553.835
Giảm giá hàng bán	617.144	3.877.144
Cộng	12.851.680.842	5.340.521.814

3. Giá vốn hàng bán

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Giá vốn của hàng hóa đã bán	333.643.098.872	198.261.769.604
Giá vốn của thành phẩm đã bán	245.044.209.363	266.849.543.281
Dự phòng giảm giá hàng tồn kho	1.450.692.231	1.910.900.176
Cộng	580.138.000.466	467.022.213.061

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**4. Doanh thu hoạt động tài chính**

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Lãi tiền gửi có kỳ hạn	2.751.841.822	3.077.764.580
Lãi tiền gửi không kỳ hạn	8.401.134	5.207.295
Lợi nhuận hợp tác đầu tư	7.679.750.827	7.943.278.221
Lãi chênh lệch tỷ giá phát sinh	10.990.131	65.470.459
Lãi chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	17.451.423
Cộng	10.450.983.914	11.109.171.978

5. Chi phí tài chính

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí lãi vay	19.512.348.315	13.407.224.048
Lỗ chênh lệch tỷ giá phát sinh	112.710.800	86.747.660
Lỗ chênh lệch tỷ giá do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	109.128.890	-
Dự phòng giảm giá chứng khoán kinh doanh và tồn thất đầu tư	10.986.081.018	-
Cộng	30.720.269.023	13.493.971.708

6. Chi phí bán hàng

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	11.424.674.370	10.261.813.102
Chi phí vật liệu, bao bì	231.200.511	141.973.691
Chi phí khấu hao tài sản cố định	1.330.308.085	965.184.982
Chi phí dịch vụ mua ngoài	14.268.556.060	13.711.460.569
<i>Chi phí hỗ trợ bán hàng</i>	<i>5.925.359.075</i>	<i>4.828.069.300</i>
<i>Chi phí vận chuyển</i>	<i>6.785.449.646</i>	<i>6.435.709.374</i>
<i>Chi phí mua ngoài khác</i>	<i>1.557.747.339</i>	<i>2.447.681.895</i>
Các chi phí khác	850.228.197	1.111.566.111
Cộng	28.104.967.223	26.191.998.455

7. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí cho nhân viên	9.184.159.496	9.265.229.457
Chi phí vật liệu quản lý	969.187.469	589.221.474
Chi phí khấu hao tài sản cố định	325.487.485	328.276.399
Dự phòng phải thu khó đòi	839.057.799	255.576.562
Chi phí dịch vụ mua ngoài	9.030.830.362	7.508.436.068
Các chi phí khác	399.304.658	240.271.502
Cộng	20.748.027.269	18.187.011.462

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỨU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long
BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ
6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025
Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

8. Chi phí khác

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Thuế bị phạt, bị truy thu	3.445.761.569	25.430.874
Chi phí khác	467.534.766	249.993.739
Cộng	3.913.296.335	275.424.613

9. Lãi trên cổ phiếu

Thông tin về lãi trên cổ phiếu được trình bày trên Báo cáo tài chính hợp nhất giữa niên độ.

10. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Luỹ kế từ đầu năm đến cuối kỳ này	
	Năm nay	Năm trước
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	284.865.246.769	344.662.753.852
Chi phí nhân công	43.307.157.269	47.429.916.995
Chi phí khấu hao tài sản cố định	21.532.710.129	18.193.197.201
Chi phí dịch vụ mua ngoài	49.551.207.831	39.646.109.522
Chi phí khác	3.536.978.289	10.154.837.385
Cộng	402.793.300.287	460.086.814.955

VII. NHỮNG THÔNG TIN KHÁC

1. Giao dịch và số dư với các bên liên quan

Các bên liên quan với Công ty bao gồm: các thành viên quản lý chủ chốt, các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt và các bên liên quan khác.

1a. Giao dịch và số dư với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt

Các thành viên quản lý chủ chốt gồm: các thành viên Hội đồng quản trị, Ban Kiểm soát, các thành viên Ban Tổng Giám đốc và Kế toán trưởng. Các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt là các thành viên mật thiết trong gia đình các thành viên quản lý chủ chốt.

Công ty phát sinh giao dịch với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt như sau:

	Năm nay	Năm trước
Tạm ứng	20.000.000	-

Công nợ với các thành viên quản lý chủ chốt và các cá nhân có liên quan với các thành viên quản lý chủ chốt được trình bày tại thuyết minh số V.5a.

Thu nhập của các thành viên quản lý chủ chốt

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Kỳ này				
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	-	45.000.000	45.000.000
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Bà Bùi Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Bà Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Ông Phạm Văn Ngọc	Thành viên HĐQT	-	36.000.000	36.000.000
Bà Ngô Thu Trang	Trưởng BKS (từ 25/4/2025)		11.000.000	11.000.000

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

		Tiền lương	Thù lao	Cộng thu nhập
Bà Phan Thị Hòa	Trưởng BKS (đến 25/4/2025)	-	8.400.000	8.400.000
Bà Lê Thị Thương	Thành viên BKS (từ 25/4/2025)	-	6.600.000	6.600.000
Bà Phạm Thị Huê	Thành viên BKS	-	15.000.000	15.000.000
Ông Nguyễn Văn Bản	Tổng Giám đốc (đến 01/5/2025)	31.973.390	-	31.973.390
Bà Nguyễn Thị Thu Hường	Tổng Giám đốc (từ 01/5/2025)	79.866.666	13.000.000	79.866.666
	Trưởng BKS (đến 01/5/2025)			
Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc	66.774.700	-	66.774.700
Cộng		178.614.756	243.000.000	421.614.756
Kỳ trước				
Ông Nguyễn Văn Sang	Chủ tịch HĐQT	-	30.000.000	30.000.000
Ông Nguyễn Ngọc Bích	Thành viên HĐQT (đến 25/4/2024)	-	16.000.000	16.000.000
Ông Nguyễn Ninh Dũng	Thành viên HĐQT	-	24.000.000	24.000.000
Bà Bùi Hồng Hạnh	Thành viên HĐQT	-	24.000.000	24.000.000
Bà Tường Thị Thu Hạnh	Thành viên HĐQT (đến 25/4/2024)	-	16.000.000	16.000.000
Bà Nguyễn Ngọc Mai	Thành viên HĐQT (từ 25/4/2024)	-	8.000.000	8.000.000
Ông Phạm Văn Ngọc	Thành viên HĐQT (từ 25/4/2024)	-	8.000.000	8.000.000
Bà Phan Thị Hòa	Trưởng BKS (đến 02/5/2024)	-	16.000.000	16.000.000
Bà Lê Thị Thương	Thành viên BKS (đến 25/4/2024)	-	8.000.000	8.000.000
Bà Phạm Thị Huê	Thành viên BKS	-	12.000.000	12.000.000
Bà Nguyễn Thị Thu Hường	Trưởng BKS (từ 02/5/2024)	-	6.000.000	6.000.000
Ông Lương Trọng Hải	Tổng Giám đốc	367.716.000	-	367.716.000
Ông Nghiêm Xuân Trường	Phó Tổng Giám đốc	562.631.422	-	562.631.422
Ông Nguyễn Trọng Đức	Phó Tổng Giám đốc	53.858.435	-	53.858.435
Bà Trần Khiêm	Phó Tổng Giám đốc (đến 01/7/2024)	280.700.000	-	280.700.000
Cộng		1.264.905.857	168.000.000	1.432.905.857

1b. Giao dịch và số dư với các bên liên quan khác

Bên liên quan khác	Mối quan hệ
Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T	Công ty mẹ
Công ty Liên doanh Sản xuất kinh doanh, Xuất nhập khẩu Dược phẩm và Trang thiết bị Y tế	Công ty con
Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC - Sài Gòn	Công ty con
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas	Công ty con
Công ty Cổ phần Thiết bị y tế Benovas	Công ty con

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)**Bên liên quan khác****Mối quan hệ**

Công ty Cổ phần Thuốc Ung thư Benovas	Công ty con
Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Vật tư Kỹ thuật Nông nghiệp Cần Thơ	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Đầu tư Bất động sản F.I.T	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Chế biến Thực phẩm Xuất khẩu Miền Tây	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Hạt giống TSC	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần FIT Consumer	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Giống Cây Trồng Nông Tín	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Westfood Hậu Giang	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần Nước khoáng Khánh Hòa	Công ty cùng Tập đoàn
Công ty Cổ phần FIT Cosmetics	Bên liên quan của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Cap Padaran Mũi Dinh	Bên liên quan của thành viên HĐQT
Công ty Cổ phần Today Cosmetics	Bên liên quan của Công ty mẹ
Công ty Cổ phần Đầu tư Dững Tâm	Bên liên quan của thành viên HĐQT

Công ty phát sinh giao dịch với các bên liên quan khác như sau:

Lũy kế từ đầu năm đến cuối kỳ này**Năm nay****Năm trước****Công ty Cổ phần Tập đoàn F.I.T**

Mua hàng hóa và dịch vụ	4.998.960.884	4.530.490.840
Công ty Cổ phần Dược phẩm Benovas		
Doanh thu từ bán hàng	208.112.752.768	200.873.996.050
Hàng bán bị trả lại	4.450.255.795	607.134.033
Chi phí hỗ trợ bán hàng	7.753.915.044	2.695.845.232

Công ty Cổ phần Thiết bị Y tế Benovas

Bán hàng hóa, tài sản cố định	28.129.701.839	-
Mua hàng	9.835.097.896	-
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	33.900.000.000	2.340.000.000
Lợi nhuận hợp tác đầu tư phải thu	607.993.150	124.848.493

Công ty TNHH MTV Dược phẩm VPC Sài Gòn

Lợi nhuận hợp tác đầu tư	7.071.757.677	7.818.429.728
Chuyển tiền hợp tác đầu tư	60.000.000.000	-

Công ty Cổ phần FIT Cosmetics

Mua hàng	21.828.183	242.679.934
----------	------------	-------------

Công ty TNHH Xuất nhập khẩu và Thương mại F.I.T Việt Nam

Mua hàng	49.355.036.150	45.096.609.730
----------	----------------	----------------

Công nợ với các bên liên quan khác

Công nợ với các bên liên quan khác được trình bày tại các thuyết minh số V.3, V.5, V.14 và V.17..

CÔNG TY CỔ PHẦN DƯỢC PHẨM CỬU LONG

Địa chỉ: Số 150 đường 14/9, phường Thanh Đức, tỉnh Vĩnh Long

BÁO CÁO TÀI CHÍNH GIỮA NIÊN ĐỘ

6 tháng đầu của năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2025

Bản thuyết minh Báo cáo tài chính giữa niên độ (tiếp theo)

2. Thông tin về bộ phận

Hoạt động kinh doanh chủ yếu của Công ty là sản xuất và kinh doanh dược phẩm, được thực hiện trong lãnh thổ Việt Nam. Vì vậy, rủi ro và tỷ suất sinh lời của Công ty không bị tác động chủ yếu bởi những khác biệt về hàng hóa/dịch vụ mà Công ty cung cấp hoặc do Công ty hoạt động tại nhiều khu vực địa lý khác nhau. Do đó, Ban Tổng Giám đốc nhận định Công ty chỉ có 01 bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và 01 bộ phận theo khu vực địa lý và Công ty không cần phải trình bày báo cáo bộ phận theo lĩnh vực kinh doanh và báo cáo bộ phận theo khu vực địa lý.

3. Sự kiện phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán

Không có sự kiện trọng yếu nào phát sinh sau ngày kết thúc kỳ kế toán yêu cầu phải điều chỉnh số liệu hoặc công bố trên Báo cáo tài chính giữa niên độ.

Lập, ngày 25 tháng 8 năm 2025

Người lập biểu

Kế toán trưởng

Tổng Giám đốc



Bùi Thị Mỹ Đang

Bùi Thị Mỹ Đang

Nguyễn Thị Thu Hương